

1. Hồ sơ đề nghị chứng nhận gồm:

a) Bản sao Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT; trường hợp nguyên liệu thủy sản chưa sử dụng hết, tổ chức, cá nhân đề nghị chứng nhận nộp bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác để cơ quan thẩm quyền xác nhận phần nguyên liệu chưa sử dụng; Trường hợp nguyên liệu thủy sản đã sử dụng hết, cơ quan thẩm quyền thu bản chính Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và lưu hồ sơ.

b) Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường châu Âu hoặc theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương hoặc giấy chứng

nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin;

c) Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá Việt Nam và Thông tin vận tải theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT;

b) Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo Mẫu số 05 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin;

c) Bản gốc Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn, bị sai thông tin (trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất).

Mẫu số 05 (Phụ lục III)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .14... tháng 8.. năm 2024

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC

Kính gửi: Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản Đồng Nai

Tên đơn vị đề nghị: ..Nguyễn Văn A..... ; Điện thoại:095000XXXX.....

Địa chỉ: 234 Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

.....

Giấy ĐKKD số:25/KD-BN..... ; Ngày cấp:25/6/2021.....

Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác số:34/TS-CNNGTS..... đã được

cơ quanChi cục Chăn nuôi và Thủy sản Đồng Nai..... cấp ngày ..5.. tháng ..8..... năm ..2023.....

Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận:bị mất.....

Đề nghị cơ quan thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác để lô hàng của chúng tôi đủ điều kiện xuất khẩu theo yêu cầu của

Chúng tôi cam đoan về những nội dung trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin đã kê khai./.

Đại diện chủ hàng

(ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn A

Mẫu số 05-Phụ lục VII Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC



MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
DIRECTORATE OF FISHERIES
CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU

CATCH CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC

Document number Số chứng nhận.XXXX/20..../CC-AA

1. Authority's name Tên cơ quan thẩm quyền Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản tỉnh	Address Địa chỉ Tam Hiệp, Đồng Nai	Tel...025190XXX..... Fax
---	---------------------------------------	--

2. Information of Fishing vessel is indicated on the Appendix 2a Thông tin về tàu cá khai thác chi tiết xem Phụ đính 2a kèm theo

3. Description of Products Mô tả sản phẩm ⁽¹⁾Cá	Type of processing authorized on board (if available) Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép (nếu có).....
---	--

Species Loài	Product code Mã sản phẩm	Catch area(s) and dates Vùng và thời gian khai thác	Estimated live weight Khối lượng nguyên liệu ước tính của lô hàng ⁽²⁾ (kg)	Estimated weight to be landed Khối lượng lên bến ước tính của tàu cá (nếu có) ⁽³⁾ (kg)	Verified weight landed Khối lượng nguyên liệu đã được xác nhận ⁽⁴⁾ (kg)
Cá	23XXX	Sông Đồng Nai Tháng 7/2025	1200	1200	1200

4. References of applicable conservation and management measures Tham chiếu các quy định về quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ⁽⁵⁾
 ...Thông Tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn về bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản;

5. Name of master of fishing vessel – Signature – seal Tên thuyền trưởng tàu cá – Chữ ký – dấu ⁽⁶⁾
 (Information details is indicated on the logbook of fishing vessel, if request Thông tin chi tiết xem nhật ký khai thác thủy sản, gửi kèm khi có yêu cầu)

6. Declaration of transshipment at sea Khai báo chuyển tải trên biển ⁽⁷⁾	No không g ☐	Yes có ☐ (Information details is indicated on the logbook of receiving vessel, if request Thông tin chi tiết xem nhật ký khai thác thủy sản, gửi kèm khi có yêu cầu)
--	--	--

(nếu có):							
Name of master of fishing vessel (Tên thuyền trưởng tàu khai thác) Nguyễn Văn A		Signature and date Chữ ký và ngày 02/4/2024		Transshipment date/area/position Ngày/khu vực/vị trí chuyển tải		Estimated weight Khối lượng ước tính (kg)	
Master of receiving vessel/ representative Tên thuyền trưởng tàu nhận/ Người đại diện		Signature Chữ ký	Vessel name Tên tàu		Call sign Hô hiệu	IMO/ Lloyd's number (if issued) Số IMO, Lloyd's (nếu có)	
7. Transshipment authorization within a Port area Xác nhận chuyển hàng tại cảng							
Name Tên	Port authority Cơ quan quản lý cảng	Signature Chữ ký Nguyễn Văn B	Address Địa chỉ	Tel Điện thoại	Port of landing Cảng lên cá Phước An	Date of landing Ngày lên cá 02/04/2024	Seal (stamp) Dấu
8. Name and address of exporter Tên chủ hàng xuất khẩu			Signature Chữ ký		Date Ngày		Seal Dấu
9. Flag state authority validation Chứng nhận của Cơ quan thẩm quyền nước treo cờ							
Full name Họ và tên			Signature Chữ ký:		Date Ngày		Seal Dấu
Title Chức vụ							
10. Transport details, see Appendix 2b attached Thông tin vận tải, xem Phụ đính 2b kèm theo							
11. Importer declaration Khai báo của đơn vị nhập khẩu							
Name of importer Tên đơn vị nhập khẩu		Signature Chữ ký	Date Ngày		Seal Dấu	Product CN code Mã CN sản phẩm	
Address Địa chỉ							
As regulated by the imported authorities: Theo quy định của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu:		Reference Tài liệu tham chiếu					
12. Import control – authority Cơ quan thẩm quyền kiểm soát nhập khẩu		Place Địa điểm	Importation authorized Cho phép nhập khẩu		Importation suspended Chưa cho phép nhập khẩu	Verification requested – date Yêu cầu kiểm tra – ngày	

Customs declaration, if issued Khai báo hải quan, Nếu có	Number Số		Date Ngày	Place Địa điểm:

Ghi chú:

- (1) Mô tả chi tiết thông tin của lô hàng xuất khẩu: dạng đóng hộp, phối trộn, cấp đông, nguyên con, khối lượng tịnh....; khối lượng các loài...hoặc theo yêu cầu của đơn vị nhập khẩu
- (2) Sử dụng khi thủy sản được xuất khẩu sống, khi một phần của sản phẩm khai thác cập cảng được xuất khẩu, khi các sản phẩm khai thác được chế biến trước khi xuất khẩu
- (3) Sử dụng khi sản phẩm khai thác cập cảng tại nước mà tàu đó treo cờ hoặc cảng nước khác và xuất khẩu toàn bộ sản phẩm
- (4) Sử dụng khi toàn bộ khối lượng của lô hàng xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền cân kiểm tra trước khi chứng nhận
- (5) Ghi tên các văn bản liên quan đến quy định quản lý và bảo tồn nguồn lợi thủy sản
- (6) Trường hợp không có chữ ký của thuyền trưởng tàu khai thác ghi tên người đại diện chủ tàu hoặc chủ hàng
- (7) Trường hợp không có chữ ký của thuyền trưởng tàu nhận ghi tên người đại diện chủ tàu hoặc chủ hàng

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO SẢN PHẨM THỦY SẢN ĐƯỢC CHẾ BIẾN TỪ TÀU CÁ VIỆT NAM

ADDITIONAL INFORMATION FOR FISHERIES PRODUCTS OBTAINED FROM THE FISHING VESSELS OF VIET NAM

Đính kèm Chứng nhận số/Attached to the Catch certificate:.....02/CN-TS

Quốc gia tàu treo cờ: State/Flag: Việt Nam

Các thông tin sau cần thu thập trong quá trình chứng nhận/The following information in section should be included if available at the moment of request for validation:

Số vận đơn/Invoice No.:.....02/VC..... ; Số công-ten-nơ/Container No.:..... ; Nước đến/Destination country:

Đơn vị nhập khẩu/Importer:

Mục II/Section II:

Tàu cá/Fishing vessel						Mô tả sản phẩm/Product description						
Số giấy xác nhận	Tên, số đăng ký (Nghề khai thác)/Name, Registration (Fishing gear code)	Loại: Tàu nhỏ* Tàu thông thường* * Type: Small*/Normal*	Hồ hiệu / Call sign	Inmarsat, Fax, điện thoại (nếu có)/Inmarsat, fax, tel (if issued)	Số giấy phép, giá trị đến ngày/Fishing license No, period of validity	Vùng và thời gian khai thác/Catch area (%) and date	Tên loài/Species Name	Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép/Type processing authorized on board	Ngày lên cá/Dat e of landing	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg)/Total catch of the vessel (kg)	Khối lượng nguyên liệu đưa vào chế biến từ tổng khối lượng khai thác (kg)/Catch processed from the total catch (kg)	Khối lượng sản phẩm thủy sản trong lô hàng (kg) ⁶ /Processed fishery product for export (kg)
									Tổng/Total	1200	1200	1200

⁶ Khối lượng nguyên liệu tại chú thích 4

Attached to the Catch certificate/Đính kèm Chứng nhận số:.....

Nhà máy chế biến (Không phải của tổ chức, cá nhân xuất khẩu) Processing plant (if different from the processing plant)		Cơ quan thẩm quyền/Validating authority	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and	Tên và địa chỉ/Name and address	

	seal		
Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/Exporter		Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày/Date
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal		

"Tôi cam kết rằng những thông tin trên là đúng sự thực và phù hợp với khai báo ở trên"

"I hereby declare that the above information is true and corresponds to the above described export"

Mẫu số 02b/Appendix 02b Mẫu số 02a/Appendix 02a Phụ lục III (Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT)

THÔNG TIN VẬN TẢI/TRANSPORT DETAILS

Số chứng nhận/Document number			
1. Quốc gia xuất khẩu/Country of Exportation:			
Cảng/sân bay/địa điểm xuất phát khác/Port/airport/other place of departure:			
Tên tàu/nước treo cờ/Vessel name/flag:			
Số chuyến/số vận đơn đường biển/Voyage No./Bill of landing No:			
Số chuyến bay/Số vận đơn hàng không/Flight number/Airway bill number:			
Quốc tịch xe và số đăng ký/Truck nationality and registration number:			
Số vận đơn đường sắt/Railway bill number:			
Các giấy tờ vận tải khác/Other transport documents:			
2. Chữ ký của chủ hàng xuất khẩu/Exporter Signature			
Số công-ten-nơ, xem danh sách kèm theo Container number (s), see list below	Tên của nhà xuất khẩu Name of Exporter	Địa chỉ Addres	Chữ ký Signature